

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN XUẤT KHẨU HÀNG HÓA CỦA VIỆT NAM SANG CÁC NƯỚC ASEAN TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP AEC

Lê Quốc Hội

Trường Đại học Kinh tế quốc dân

Email: hoilq@neu.edu.vn

Trần Lan Hương

Trường Đại học Kinh tế quốc dân

Email: lanhuong1702@gmail.com

Lê Thị An Thái

Trường Đại học Kinh tế quốc dân

Ngày nhận: 24/5/2017

Ngày nhận bản sửa: 28/6/2017

Ngày duyệt đăng: 25/7/2017

Tóm tắt

Nghiên cứu này ước lượng và kiểm định các yếu tố ảnh hưởng đến xuất khẩu của Việt Nam sang các nước ASEAN trong giai đoạn 1997-2015. Kết quả cho thấy xuất khẩu của Việt Nam tăng khi tổng sản phẩm quốc nội (Gross domestic product-GDP) bình quân đầu người của Việt Nam và GDP bình quân đầu người của nước nhập khẩu tăng lên. Ngược lại, chi phí vận chuyển, được đại diện bởi khoảng cách địa lý, có tác động tiêu cực đến xuất khẩu của Việt Nam. Kết quả nghiên cứu khẳng định mối quan hệ tích cực giữa xuất khẩu và tỷ giá song phương thực. Biến giả ATIGA đại diện do hội nhập AEC không có ảnh hưởng đáng kể đối với xuất khẩu của Việt Nam. Kết quả này có thể mang lại những khuyến nghị cho chính phủ Việt Nam và các doanh nghiệp xuất khẩu trong việc đưa ra mục tiêu và chính sách xuất khẩu.

Từ khóa: AEC, ASEAN, hiệp định thương mại, xuất khẩu.

Determinants of Vietnam's exports to ASEAN in the context of AEC

Abstract:

This research paper investigates the determinants of Vietnam's exports to ASEAN countries over the period of 1997 to 2015. The results showed that Vietnam's exports increased as its GDP per capita and importing countries' GDP per capita increased. In contrast, transportation costs proxied by geographic distance were found to have a negative impact on Vietnam's exports. The research's results asserted the positive relationship between exports and real bilateral exchange rate. ATIGA dummy variable were found to have no statistically significant influence on Vietnam's exports. These results are important for trade policy formulation to promote Vietnam's exports to ASEAN countries.

Keywords: Vietnam exports, ASEAN, AEC, trade

1. Giới thiệu

Hoạt động xuất khẩu đóng vai trò quan trọng cho sự phát triển kinh tế của nhiều nước đang phát triển trong những năm gần đây. Trên thế giới có rất nhiều ví dụ điển hình về các quốc gia đang phát triển, phát

triển các ngành công nghiệp xuất khẩu có khả năng cạnh tranh và đã tạo ra được tăng trưởng kinh tế ấn tượng dựa vào xuất khẩu. Điển hình có thể kể đến trường hợp của Hàn Quốc và Đài Loan trong năm 1960; các nước Đông Nam Á như Thái Lan,

Malaysia và Singapore trong năm 1970; Trung Quốc trong những năm 1980. Với ý nghĩa ấy đã có nhiều công trình nghiên cứu và đánh giá tác động của những yếu tố đến xuất khẩu của một quốc gia như Rahman (2003), Blomqvist (2004), Wei, Huang & Yang (2012), Tang (2003)... Nhìn chung các nghiên cứu này đều chỉ ra những yếu tố chủ yếu ảnh hưởng tới xuất khẩu của một quốc gia bao gồm GDP, GDP bình quân đầu người, dân số, khoảng cách địa lý, chỉ số giá tiêu dùng (Consumer price index-CPI), đầu tư trực tiếp nước ngoài (Foreign Direct Investment-FDI), tỷ giá hối đoái. Đó được coi là những yếu tố bên trong nền kinh tế đã được chứng minh thông qua những nghiên cứu thực nghiệm có tác động tới hoạt động xuất khẩu của một quốc gia. Tuy nhiên, xuất khẩu của một quốc gia hiện nay không chỉ đơn giản chịu tác động của những yếu tố bên trong nền kinh tế, có những bên ngoài cũng tác động mạnh tới quá trình này trong đó phải kể đến xu thế hội nhập kinh tế quốc tế và tự do hóa thương mại hiện nay. Hội nhập kinh tế quốc tế và tự do hóa thương mại đã thúc đẩy quá trình hợp tác giữa các quốc gia trên thế giới ngày càng chặt chẽ hơn trên nhiều lĩnh vực với nhiều góc độ khác nhau cả song phương lẫn đa phương. Trong đó, các liên kết thương mại khu vực đã trở thành nội dung chủ yếu của tự do hóa thương mại trên thế giới trong những năm vừa qua.

Trải qua 21 năm hội nhập khu vực, Việt Nam đã tích cực, chủ động và cùng các nước thành viên ASEAN xây dựng nền móng quan trọng để Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) chính thức được hình thành vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Đến nay, ASEAN đã trở thành một trong các đối tác thương mại quan trọng hàng đầu và là động lực quan trọng giúp Việt Nam duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế trong nhiều năm qua. Về thương mại, số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan cho thấy kim ngạch thương mại hai chiều của Việt Nam với ASEAN tăng trưởng bình quân 14,5%/năm trong giai đoạn 1997-2015, từ khoảng 3,3 tỷ USD năm 1995 lên 42,1 tỷ USD năm 2015 (tăng gần 13 lần). ASEAN đã trở thành đối tác thương mại đứng thứ hai của Việt Nam (sau Trung Quốc). Về xuất khẩu của Việt Nam sang ASEAN, tốc độ tăng trưởng bình quân thời gian qua đạt 17,1%, đưa kim ngạch xuất khẩu từ gần 1 tỷ USD năm 1995 lên 18,3 tỷ USD năm 2015 (tăng hơn 18 lần). Với vai trò và tầm quan trọng ngày càng gia tăng của mối quan hệ thương mại Việt Nam – ASEAN, cần thiết phải có sự nghiên cứu xem xét kỹ ảnh hưởng của các yếu tố đến xuất khẩu của Việt Nam ra các

nước ASEAN. Tuy nhiên, các nghiên cứu hiện nay mới chỉ đề cập tới quan hệ thương mại giữa Việt Nam với những thị trường lớn trong đó phải kể đến nghiên cứu của Nguyen (2010) điều tra các yếu tố ảnh hưởng đến dòng chảy thương mại giữa Việt Nam và các nước từ năm 1991 đến năm 2006. Nghiên cứu của Thai Tri Do (2006) là về thương mại giữa Việt Nam và 23 quốc gia châu Âu từ năm 1993 đến năm 2004. Ngoài ra, một số nghiên cứu khác như Nguyen Hai Tho (2013), Doanh & Heo (2009), Vu Thi Hanh (2013)... cũng đề cập tới vấn đề này. Tuy nhiên, những nghiên cứu này chỉ tập trung nghiên cứu các đối tác thương mại (truyền thống) của Việt Nam. Trong khi đó, khu vực ASEAN đang nổi lên là một khu vực phát triển năng động và thương mại giữa Việt Nam với các nước ASEAN không ngừng được cải thiện trong những năm qua. Đặc biệt, sau khi Cộng đồng kinh tế ASEAN chính thức hoạt động cuối năm 2015 đem lại kỳ vọng gia tăng mạnh mẽ trong thương mại giữa Việt Nam với các nước trong khu vực. Vì vậy, nghiên cứu này tập trung xem xét một cách tổng quát về mối quan hệ thương mại giữa Việt Nam với các nước ASEAN, những yếu tố ảnh hưởng tới xuất khẩu của Việt Nam sang các nước ASEAN trong bối cảnh hội nhập AEC.

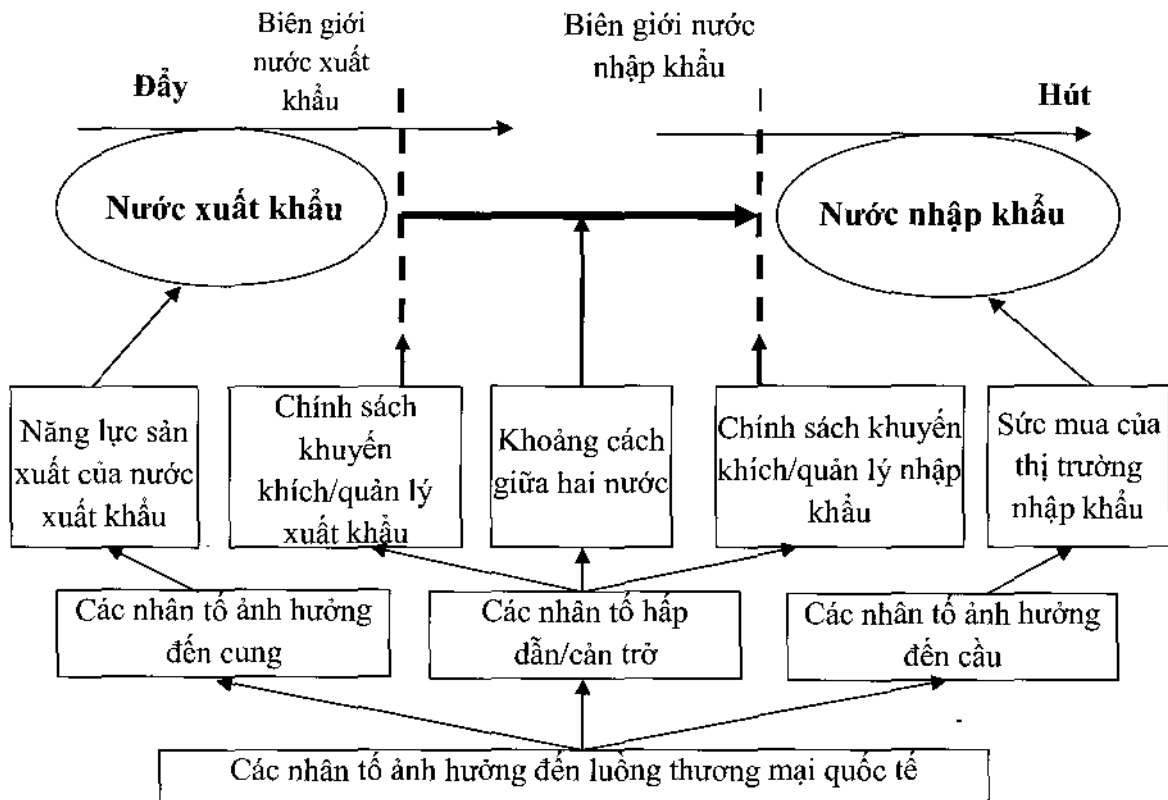
2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

Xuất khẩu và nhập khẩu là hai hoạt động không thể tách rời nhau để hình thành nên luồng thương mại quốc tế nói chung. Giả sử hai nước A và B có quan hệ trao đổi hàng hóa với nhau thì lượng hàng hóa xuất khẩu của nước A sang nước B cũng chính là lượng hàng hóa nhập khẩu của nước B từ nước A. Vì thế, khi nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến xuất khẩu hàng hóa của một quốc gia sẽ không đơn thuần chỉ nằm bên trong quốc gia đó mà còn liên quan trực tiếp đến quốc gia nhập khẩu. Nghiên cứu của Đào Ngọc Tiên (2010) đã mô phỏng được các nhân tố ảnh hưởng đến luồng thương mại quốc tế bằng 3 nhóm nhân tố chính và được cụ thể qua Hình 1.

Trong đó, nhóm các nhân tố ảnh hưởng đến cung của nước xuất khẩu (thể hiện năng lực sản xuất của nước xuất khẩu) bao gồm: quy mô nền kinh tế (GDP), quy mô dân số; nhóm nhân tố ảnh hưởng đến cầu của nước nhập khẩu (thể hiện sức mua của thị trường nước nhập khẩu) bao gồm quy mô dân số, quy mô nền kinh tế (GDP); nhóm các nhân tố hấp dẫn/cản trở bao gồm các chính sách quản lý hoặc khuyến khích xuất khẩu/nhập khẩu, khoảng cách

Hình 1: Mô hình trọng lực trong thương mại quốc tế



Nguồn: Đào Ngọc Tiến (2010)

giữa hai quốc gia (thường xét trên hai khía cạnh là khoảng cách địa lý và khoảng cách trình độ phát triển kinh tế). Cả ba nhóm nhân tố trên có vai trò rất quan trọng trong hoạt động trao đổi, lưu thông hàng hóa giữa các quốc gia, chúng vừa có tác động hút (nước nhập khẩu) và cũng có tác động đẩy (nước xuất khẩu) giúp quá trình lưu thông hàng hóa diễn ra nhanh và hiệu quả hơn.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Dựa trên cơ sở lý thuyết trên và căn cứ vào một số đặc điểm tương đồng về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội với Việt Nam, mô hình ước lượng và kiểm định các yếu tố ảnh hưởng đến xuất khẩu của Việt Nam sang ASEAN trong bối cảnh hội nhập AEC có dạng cụ thể như sau:

$$\ln EX_{ijt} = \beta_0 + \beta_1 \ln(POP_{it} * POP_{jt}) + \beta_2 \ln GDPbq_{it} + \beta_3 \ln GDPbq_{jt} + \beta_4 \ln ER_{ijt} + \beta_5 \ln EDIS_{ijt} + \beta_6 \ln DIS_{ijt} + \beta_7 \ln LANDLOCK_{ijt} + \beta_8 \ln ATIGA_{ijt} + u_{ijt}$$

Trong đó:

EX_{ijt} : Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam tới nước ASEAN j trong năm t .

β_0 : Hệ số chặn.

$GDPbq_{it}$: POP_{it} : Lần lượt là GDP bình quân đầu người, dân số của Việt Nam tại năm t .

$GDPbq_{jt}$: POP_{jt} : Lần lượt là GDP bình quân đầu người, dân số của nước ASEAN j tại năm t .

ER_{ijt} : Tỷ giá thực tế bình quân giữa Việt Nam và nước đối tác ASEAN j năm t .

$EDIS_{ijt}$: Khoảng cách về kinh tế giữa Việt Nam và nước ASEAN j vào năm t (được đo bằng chênh lệch về GDP bình quân đầu người giữa 2 quốc gia - lấy giá trị tuyệt đối).

DIS_{ijt} : Khoảng cách địa lý giữa Việt Nam và nước ASEAN j .

$LANDLOCK_{ijt}$: Là biến giả. Nhận giá trị 0 nếu nước đối tác không giáp biển, nhận giá trị 1 nếu nước nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam giáp biển.

$ATIGA_{ijt}$: Biến giả. Nhận giá trị 1 từ năm 2010, sau khi hiệp định ATIGA chính thức có hiệu lực.

β_i : là các hệ số thể hiện mức độ tác động của yếu tố i trong mô hình.

u_{ijt} : Sai số ngẫu nhiên.

Mô hình này sẽ ước lượng cho biến phụ thuộc là tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam

Bảng 1: Tổng hợp các giả thuyết về xu hướng tác động của các biến trong mô hình kinh tế lượng đề xuất

TÊN BIẾN	Xu hướng tác động của biến độc lập đến biến phụ thuộc (KNKK hàng hóa)
$(POP_{jt} * POP_{jt})$	+
$GDP_{bq_{jt}}$	+
$GDP_{bq_{jt}}$	+
ER_{jt}	+
$EDIS_{jt}$	+/-
DIS_{jt}	-
$LANDLOCK_{jt}$ (biến giả) $LANDLOCK = 1$: giáp biển $LANDLOCK = 0$: không giáp biển	- Nước nhập khẩu giáp biển sẽ làm tăng khả năng xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam. - Nước nhập khẩu không giáp biển sẽ làm giảm khả năng xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam.
$ATIGA_{jt}$ (biến giả) $ATIGA = 1$: Hiệp định ATIGA có hiệu lực từ 2010 $ATIGA = 0$: trước năm 2010	- Hiệp định có hiệu lực sẽ làm tăng khả năng xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam

Ghi chú: (+): Tác động cùng chiều; (-): Tác động ngược chiều

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

hoặc kim ngạch xuất khẩu của một nhóm hàng cụ thể. Ứng với từng mô hình, các biến độc lập sẽ có sự thay đổi nhằm tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến kim ngạch xuất khẩu của từng nhóm hàng cụ thể. Ở mô hình phân tích cho từng nhóm hàng cụ thể sẽ xuất hiện trường hợp các quan sát nhận giá trị 0 (tức là biến phụ thuộc không có số liệu vào một năm nào đó trong thời gian nghiên cứu). Điều này không có nghĩa giữa hai quốc gia không có quan hệ thương mại. Do đó, để khắc phục trường hợp này các biến phụ thuộc không có số liệu sẽ được chuyển từ EX_{ijt} thành $\ln(1+EX_{ijt})$.

Phương pháp OLS gộp (Pooled OLS) được sử dụng để ước lượng cho mô hình nghiên cứu. Tuy nhiên, do các quan sát ở đây có sự thay đổi theo cả thời gian và không gian (dữ liệu bảng - panel data¹) cho nên các mô hình hiệu ứng cố định (Fixed Effects Model - FEM) và hiệu ứng ngẫu nhiên (Random Effects Model - REM) được đề xuất sử dụng để phân tích. Nếu như phương pháp OLS gộp xem tất cả các hệ số đều không thay đổi trong điều kiện không gian và thời gian khác nhau, mô hình FEM sẽ loại bỏ những biến có giá trị không thay đổi theo thời gian một cách mặc nhiên thì mô hình REM lại giả định rằng không có sự tương quan giữa biến độc lập (biến giải thích) và sai số. Sau khi có kết quả sẽ tiến hành lần lượt các kiểm định thích hợp để lựa chọn mô hình phù hợp cho nghiên cứu.

3. Kết quả ước lượng

Những kết quả hồi quy trên từ phần mềm Stata đã cho kết quả ước lượng các yếu tố tác động đến kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang ASEAN theo phương pháp OLS, FEM và REM.

Do các phương pháp khác nhau nên kết quả ước lượng của từng mô hình cũng khác nhau. Để lựa chọn mô hình thích hợp, nghiên cứu tiến hành Kiểm định Breusch-Pagan (χ^2_{test0}) để lựa chọn giữa OLS và FEM/REM và Kiểm định Hausman để lựa chọn giữa FEM và REM. Qua việc kiểm định ta thấy mô hình REM là phù hợp và đáng tin cậy. Tiếp đến, nhóm tiếp tục sử dụng mô hình REM cho việc đánh giá tác động của các yếu tố đến kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng thô hoặc mới sơ chế và nhóm hàng đã chế biến hoặc đã tinh chế sang các nước ASEAN.

Kết quả ước lượng mô hình ở bảng 3 cho thấy nhiều biến có dấu như kỳ vọng. Hệ số xác định bội hiệu chỉnh (R^2) là 0,7974 cho thấy có đến 79,74% sự thay đổi kim ngạch xuất khẩu hàng hóa Việt Nam trong khu vực ASEAN là do các yếu tố có trong mô hình quyết định. Xét nhóm hàng hóa thô hoặc mới sơ chế và nhóm hàng đã chế biến hoặc đã tinh chế, cũng với các yếu tố đó quyết định 61,68% và 67,27% sự thay đổi trong kim ngạch xuất khẩu của nhóm tương ứng.

Biến dân số gộp ($\ln(POP_{it} * POP_{jt})$) có hệ số

Bảng 2: Kết quả ước lượng tác động của các yếu tố đến KNXX hàng hóa của Việt Nam sang ASEAN

Hồi quy Biến độc lập	OLS	FEM	REM
Hệ số chặn	-2,222 (-0,79)	-10,451 (-0,13)	-1,541 (-0,19)
Ln(POPit*POPjt)	0,735*** (11,17)	0,475 (0,20)	0,715*** (3,50)
LnGDPbqjt	0,828*** (3,87)	1,113 (1,34)	0,832*** (3,09)
LnGDPbqjt	1,177*** (5,14)	0,339 (0,74)	0,619** (2,15)
LnER	0,029 (0,67)	-0,165 (-1,49)	-0,084 (-1,04)
LnEDIS	-0,064 (-0,28)	0,520** (2,1)	0,516** (2,22)
LnDIS	-2,457*** (-16,07)	-	-2,360*** (-4,85)
LANDLOCK	-1,109*** (-2,83)	-	-1,154 (-1,03)
ATIGA	-0,197 (-0,74)	-0,111 (-0,47)	-0,116 (-0,50)
Hệ số xác định bội hiệu chỉnh (R^2)	0,7994	0,6211	0,7974
Giá trị kiểm định	$F = 85,66$	$F = 52,07$	$Wald = 301,08$
Kiểm định Breusch –Pagan($xttest0$)	$P\text{-value} = 0,000 < 0,05$		
Kiểm định Hausman	$P\text{-value} = 0,7131 > 0,05$		

Ghi chú: *, **, ***: Tương ứng với mức ý nghĩa nhỏ hơn 10%, 5%, 1%

Các giá trị trong dấu ngoặc đơn () là t hoặc z kiểm định

Nguồn: Nhóm tổng hợp từ phần mềm Stata (Số quan sát 171)

mang dấu dương, có ý nghĩa thống kê cao cả khi nghiên cứu tổng kim ngạch xuất khẩu và kim ngạch xuất khẩu của từng nhóm hàng. Điều này cho thấy dân số Việt Nam và nước đối tác tăng có tác động tích cực đến xuất khẩu sang ASEAN. Về cơ bản, kết quả này phù hợp với cả lý thuyết và thực tế. Khi tích số này tăng lên, đồng nghĩa với việc quy mô dân số nước xuất khẩu và nhập khẩu tăng, sẽ thúc đẩy cả sản xuất và nhu cầu tiêu dùng.

Biến thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam (LnGDPbqjt) có tác động tích cực đến xuất khẩu. Thực tế, khi thu nhập bình quân đầu người nước xuất khẩu tăng lên đồng nghĩa với tổng thu nhập cả nước tăng, hay quy mô nền kinh tế tăng lên. Khi đó, nước xuất khẩu, cụ thể là Việt Nam sẽ có điều kiện cải tiến sản phẩm, đầu tư máy móc công nghệ tạo ra hàng hóa có chất lượng tốt, mẫu mã đẹp, thu hút người tiêu dùng của các nước đối tác, góp phần gia tăng tổng kim ngạch xuất khẩu. Xét cho từng nhóm hàng, thì biến này không có ý nghĩa thống kê với

nhóm hàng thô hoặc mới sơ chế. Trong khi GDPbqjt lại có tác động cùng chiều, và có ý nghĩa thống kê với nhóm hàng đã chế biến hoặc đã tinh chế. Từ đây, cũng có thể thấy rằng khi thu nhập bình quân của Việt Nam tăng lên thì nước ta tăng cường xuất khẩu nhóm hàng đã chế biến hoặc đã tinh chế hơn, điều này phù hợp với thực trạng giai đoạn 2006-2015.

Biến thu nhập bình quân đầu người của nước đối tác trong khu vực ASEAN (LnGDPbqjt) có tác động tích cực đến thương mại với Việt Nam và với cả từng nhóm ngành. Điều này hoàn toàn phù hợp với lý thuyết. Khi thu nhập bình quân đầu người nước đối tác tăng lên thì nhu cầu tiêu dùng hàng nhập khẩu cũng tăng theo. Đây là dấu hiệu thuận lợi cho hàng hóa của Việt Nam tiếp tục thâm nhập vào thị trường các nước ASEAN. Tuy nhiên, xét trong giai đoạn nghiên cứu, các mặt hàng chủ lực xuất khẩu của nước ta sang khu vực này chủ yếu là các mặt hàng thô hoặc mới sơ chế, do vậy giá trị gia tăng không cao, đóng góp không nhiều trong kim ngạch xuất

Bảng 3: Mô hình REM về tác động của các yếu tố đến KNXK hàng hóa chung và của nhóm hàng

Biến độc lập	Hội quy	Tổng KNXK	Hàng thô hoặc mới sơ chế	Hàng đã chế biến hoặc đã tinh chế
Hệ số chặn		-1,541 (-0,19)	-2,78 (-0,25)	-1,936 (-0,43)
Ln(POPit*POPjt)		0,715***	0,930***	0,855***
LnGDPbqit		-3,5 0,832***	-3,34 -0,035	-8,11 0,629*
LnGDPbqjt		-3,09 0,619**	(-0,07) 1,195**	-1,84 0,758**
LnER		-2,15 -0,084	-2,24 -0,079	-0,74 0,195***
LnEDIS		(-1,04) 0,516**	(-0,57) 0,455	-2,84 0,111
LnDIS		-2,22 -2,360***	-0,34 -3,055***	-0,3 -2,781***
LANDLOCK		(-4,85) -1,154	(-4,65) -2,192	(-11,37) -2,398***
ATIGA		(-1,03) -0,116	(-1,41) 0,537	(-3,84) 1,004**
		(-0,50) -2,36	-1,1	-2,36
Số quan sát		171	171	171
Hệ số xác định bội hiệu chỉnh ($\overline{R^2}$)		0,7974	0,6186	0,6727
Giá trị kiểm định Wald		301,08	100,79	330,94

Ghi chú: *, **, ***: Tương ứng với mức ý nghĩa nhỏ hơn 10%, 5%, 1%

Các giá trị trong dấu ngoặc đơn () là z kiểm định

Nguồn: Tổng hợp của nhóm nghiên cứu từ phần mềm Stata

khẩu. Những năm gần đây 2006- 2015, Việt Nam đã nỗ lực trong việc sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng thuộc nhóm hàng đã chế biến hoặc tinh chế với giá trị gia tăng cao, góp phần nâng cao tổng kim ngạch xuất khẩu. Đây đang là hướng đi đúng đắn và cần được tiếp tục đẩy mạnh phát triển hơn nữa.

Biên tỷ giá hối đoái thực giữa Việt Nam và nước đối tác ASEAN dù không có ý nghĩa thống kê ở nhóm hàng thô hoặc mới tinh chế, nhưng lại có mang dấu dương và có ý nghĩa cao. Điều này có nghĩa giá cả nhóm hàng đã chế biến hoặc đã tinh chế đang chịu tác động lớn bởi tỷ giá, khi giá trị tiền Việt Nam giảm so với nước đối tác sẽ làm giá hàng hóa Việt Nam rẻ hơn tương đối, giúp thúc đẩy thương mại nhóm hàng này hơn.

Khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế (lnEDIS) mang dấu dương thể hiện tác động tích cực đến thương mại hàng hóa Việt Nam - ASEAN. Như vậy, khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế

giữa hai nước càng lớn sẽ khiến cho việc trao đổi hàng hóa nói chung và xuất khẩu nói riêng được thuận tiện hơn khi đó sẽ làm tăng kim ngạch cho nước xuất khẩu. Tuy vậy, xét trong từng nhóm hàng dù hệ số của biến này không có ý nghĩa thống kê cao nhưng mang dấu dương hay có ảnh hưởng cùng chiều giống xu hướng tác động của tổng kim ngạch xuất khẩu nói chung. Về cơ bản, kết quả này là phù hợp với giả thuyết đã đưa ra cũng như những nghiên cứu trước đây.

Khoảng cách địa lý (DIS) đại diện cho chi phí giao dịch thương mại giữa Việt Nam và nước đối tác có ý nghĩa thống kê và mang dấu âm. Như vậy biến này thể hiện mối tương quan âm, tác động ngược chiều đến kim ngạch xuất khẩu hàng hóa Việt Nam. Điều này là phù hợp về lý thuyết và thực tế, bởi khoảng cách càng lớn, chi phí vận chuyển và các rào cản khác như ngôn ngữ, văn hóa càng lớn thì càng hạn chế khối lượng hàng hóa thương mại được trao đổi. Đặc biệt là với nhóm hàng thô hoặc mới sơ chế bởi thời gian bảo quản,

phương thức vận chuyển cũng ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng, giá trị sản phẩm.

Biển giả nước đối tác có giáp biển không (LANDLOCK) dù trong mô hình REM về tổng kim ngạch xuất khẩu không có ý nghĩa nhưng ở OLS gộp lại mang dấu âm và có ý nghĩa thống kê cao. Và trên thực tế, vận tải hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam với các nước giáp biển trong khu vực ASEAN là có ảnh hưởng. Do vận tải biển Việt Nam còn gặp rất nhiều khó khăn với đội tàu cũ, chưa đáp ứng được những yêu cầu khắt khe về chất lượng, tiêu chuẩn an toàn, phòng chống ô nhiễm của quốc gia đối tác, gây ra ảnh hưởng tiêu cực đến xuất khẩu hàng hóa qua đường biển. Điều này đúng hơn trong trường hợp của nhóm hàng đã chế biến hoặc tinh chế khi hệ số LANDLOCK trong mô hình REM có ý nghĩa thống kê ở mức cao.

Hệ số của biến giả ATIGA đại diện cho sự thành lập Cộng đồng kinh tế AEC mang dấu âm không như kỳ vọng, nhưng biến này không có ý nghĩa thống kê. Điều này cho thấy, dù những thỏa thuận ưu đãi về cắt giảm thuế quan trong ATIGA có kỳ vọng giúp cho xuất khẩu nội khối tăng trưởng, nhưng thực tế Việt Nam mới thực hiện cắt giảm thuế chưa tận dụng được những ưu đãi này. Nhiều doanh nghiệp trong nước còn chưa biết tới AEC, do vậy tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu không có sự đóng góp của yếu tố này. Có thể thấy các đối tác quan trọng trong ASEAN mà hiện nay Việt Nam đang có lưu lượng thương mại lớn chủ yếu là các nước đã có lộ trình loại bỏ thuế hoàn thành từ năm 2010 (các nước ASEAN 6 trừ Brunei), các năm sau đó nhóm nước này gần như không có thêm yếu tố nào có lợi hơn về thuế quan. Trong khi nhóm nước CLMV chỉ vừa hoàn thành xóa bỏ thuế quan trong năm 2015 và còn được linh hoạt 7% số dòng thuế đến năm 2018 mới phải xóa bỏ hoàn toàn. Như vậy, hiệp định ATIGA chưa có tác động tức thời đến thương mại hàng hóa nói chung của Việt Nam và các nước đối tác khu vực ASEAN. Tuy vậy, biến ATIGA lại có tác động tích cực và có ý nghĩa thống kê với nhóm hàng đã chế biến hoặc đã tinh chế. Như vậy, nhìn chung hiệp định ATIGA đã mang lại những tác động tích cực, và vẫn tiếp tục mang kỳ vọng tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa nói chung tốt hơn trong thời gian tới.

4. Kết luận và khuyến nghị

Nghiên cứu này thực hiện đánh giá tác động của các yếu tố đến xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang các nước ASEAN. Mô hình kinh tế lượng được xây

dựng trên số liệu được thu thập từ 10 nước ASEAN với những số liệu thứ cấp trong giai đoạn 1997-2015. Sau khi chạy mô hình với 171 quan sát, nghiên cứu đã chỉ ra những tác động của những yếu tố này ảnh hưởng như thế nào đến xuất khẩu của Việt Nam sang ASEAN. Mô hình có hệ số xác định bội hiệu chỉnh (R^2) là 0,7974, cho thấy có đến 79,74% sự thay đổi kim ngạch xuất khẩu hàng hóa Việt Nam trong khu vực ASEAN là do các yếu tố có trong mô hình quyết định. Các biến có ý nghĩa thống kê và nhiều biến mang dấu như kỳ vọng, ngoài ra khoảng cách địa lý vẫn còn là yếu tố tác động tiêu cực. Phân tích cũng chứng tỏ rằng hiệp định ATIGA chưa thực sự thúc đẩy xuất khẩu của Việt Nam. Tuy nhiên, hiệp định này cũng đã thể hiện có tác động tốt đối với xuất khẩu nhóm hàng đã chế biến hoặc đã tinh chế. Điều hoàn toàn phù hợp với những phân tích từ thực trạng xuất khẩu Việt Nam. Như vậy có thể thấy, hội nhập AEC chưa tác động tích cực ngay đến xuất khẩu Việt Nam, nhưng những lợi ích tiềm tàng trong cắt giảm thuế quan vẫn hứa hẹn tác động tích cực đến xuất khẩu của Việt Nam. Bên cạnh những lợi ích tiềm tàng, phân tích trong bài viết này cũng cho thấy hội nhập AEC có thể có những tác động bất lợi đến xuất khẩu: Khi mà gần đây Việt Nam đã hầu như không có thêm yếu tố có lợi nào từ những nước ASEAN 6 đã thực hiện cắt giảm hoàn toàn thuế quan vào năm 2010, trong khi đến năm 2015 Việt Nam cùng các nước Lào, Cambodia, Myanmar thực hiện cắt giảm phần lớn thuế quan trong lộ trình, như vậy nước bạn cũng sẽ tận dụng cơ hội này đẩy mạnh xuất khẩu, làm gia tăng tính cạnh tranh quốc tế.

Từ những kết quả nghiên cứu cho thấy, để thúc đẩy hơn nữa xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường ASEAN trong thời gian tới Việt Nam cần: *Thứ nhất, áp dụng chính sách tỷ giá linh hoạt.* Kết quả nghiên cứu cho thấy chính sách tỷ giá linh hoạt có tác động tích cực đến xuất khẩu nhóm hàng đã chế biến hoặc đã tinh chế. Tuy nhiên việc điều chỉnh tăng tỷ giá sẽ gây ra những biến động nhất định về tình hình tài chính trong nước nói chung và lãi suất tiền gửi nói riêng. Vì vậy, chính sách tỷ giá cần được thực hiện linh hoạt căn cứ vào diễn biến thực tế của nền kinh tế đất nước ở từng giai đoạn cụ thể. *Thứ hai, thúc đẩy thương mại với các nước có chung đường biên giới với Việt Nam.* Điều này nhằm tận dụng được chi phí vận tải và giảm thiểu các rủi ro tiềm ẩn trong lưu chuyển hàng hóa. *Thứ ba, tiếp tục mở rộng và khai thác các thị trường trong khu vực.* Đây là những đối tác thương mại có những ảnh hưởng

không nhỏ đến xuất khẩu của Việt Nam. Khu vực ASEAN là thị trường truyền thống, thị trường thế mạnh và đầy tiềm năng trong xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam, đặc biệt là các đối tác có nền kinh tế phát triển mạnh như Singapore, Thái Lan, Malaysia, Philippine, Indonesia, ngoài ra phải kể đến nước láng giềng Cambodia. Thực tế, đây vẫn luôn là những thị trường trọng điểm với mức tỷ trọng nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam luôn ở mức cao. Vì thế, cần tiếp tục khai thác các thị trường này. Hơn nữa, cần đẩy mạnh nghiên cứu nhằm tìm ra những mặt hàng tiềm năng cho những thị trường còn lại như Brunei, Lào, Myanmar. Thứ tư, tận dụng hiệu quả hơn nữa lợi ích mà các hiệp định khu vực đem lại, và áp dụng chính sách thuế quan thích hợp. Cộng đồng kinh tế AEC đã thành lập, các nước thành viên ASEAN đã và đang trong tiến trình thực hiện các hiệp định, thỏa thuận. Vì vậy, Việt Nam nói chung và từng doanh nghiệp Việt Nam nói riêng phải không ngừng thu hút các nguồn lực tốt nhất, sử dụng có hiệu quả cao

nhất các nguồn lực đó cho phát triển kinh tế, sản xuất kinh doanh. AEC rộng mở cho tất cả các hàng doanh nghiệp thuộc AEC theo quy tắc thị trường chung không còn bị chia cắt bởi các hàng rào thuế quan cũng như phi thuế quan. Khi đó các doanh nghiệp Việt Nam phải cạnh tranh bình đẳng, phụ thuộc vào sức cạnh tranh của chính doanh nghiệp đó. Chính vì vậy các doanh nghiệp phải tự mình thay đổi, tích cực quảng bá, khẳng định thương hiệu, uy tín của mình, nâng cao chất lượng sản xuất hay chính là nâng cao năng lực cạnh tranh. Bên cạnh việc tự tìm hiểu các hiệp định, để giúp các doanh nghiệp áp dụng hiệu quả những ưu đãi thuế quan cũng rất cần sự góp sức của các cơ quan chức năng nhà nước. Các bộ ngành cần tích cực thực hiện các biện pháp tuyên truyền, giải thích, hướng dẫn về các hiệp định, các ưu đãi cũng như những điều lệ cần tuân thủ đến với nhiều ngành, nhiều doanh nghiệp hơn nữa.

Ghi chú:

1. Các quan sát về một chỉ tiêu nào đó sẽ bao gồm quan sát chéo và quan sát theo thời gian.

Tài liệu tham khảo:

- Bac Xuan Nguyen (2010), 'The Determinants of Vietnamese Export Flows: Static and Dynamic Panel Gravity Approaches', *International Journal of Economics and Finance*, 2(4), 122-129.
- Blomqvist, H. C. (2004), 'Explaining trade flows in Singapore', *ASEAN Economic Journal*, 18(1), 25-46.
- Đào Ngọc Tiên (2010), 'Điều chỉnh cơ cấu thị trường xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam trong xu thế tự do hóa thương mại', Luận án Tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học ngoại thương.
- Doanh, N. K. & Hco, Y. (2009), 'AFTA and Trade Diversion: An Empirical Study for Vietnam and Singapore', *International Area Studies Review*, 12(1), 163-192.
- Nguyen Hai Tho (2013), 'Determinants of Vietnam's exports-A Gravity model approach', *Master dissertation*, Assumption University Bangkok, Thailand.
- Rahman, M. M. (2003), 'A panel data analysis of Bangladesh's trade: the gravity model approach', presented at *5th Annual Conference of the European Trade Study Group*, ETSG, September 11th -13th, 2003.
- Tang (2003), 'The effect of European integration on trade with APEC countries: 1981-2000', *Journal of Economic and Finance*, 27(2), 262-78.
- Thai Tri Do (2006), *A Gravity Model for Trade between Vietnam and Twenty-three European Countries*, Unpublished Doctorate Thesis, Department of Economics and Society, Hogskolan Dalarna.
- Vu Thi Hanh (2013), 'International export flows of Vietnam – A Gravity model approach', *Brussels Economic Review – Cahiers Economiques De Bruxelles*, 56(1), 83-108.
- Wei G., Huang J. & Yang J. (2012), 'The impacts of food safety standards on China tea export', *China Economic Review*, 21(2), 253-264.